

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SYT-NVYD
V/v hướng dẫn đăng ký khám
bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu
và chuyển người bệnh giữa các cơ
sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT
năm 2026 trên địa bàn tỉnh

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Các Bệnh viện thuộc Bộ, ngành trên địa bàn tỉnh;
- Các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.
(sau đây viết tắt là các đơn vị)

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội; Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (sau đây viết tắt là Nghị định số 188/2025/NĐ-CP); Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2025/TT-BYT).

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia bảo hiểm y tế (BHYT), đồng thời đảm bảo các quyền lợi trong khám bệnh, chữa bệnh BHYT. Sở Y tế hướng dẫn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu và chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT năm 2026 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT

Danh sách cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT, đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu theo Phụ lục danh sách đính kèm, cụ thể:

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên môn kỹ thuật ban đầu: 296
- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên môn kỹ thuật cơ bản: 47
- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên môn kỹ thuật chuyên sâu: 00

II. ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT BAN ĐẦU

1. Đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu

Người tham gia BHYT thuộc tất cả các đối tượng được lựa chọn một trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu theo quy định gần nơi cư trú, làm việc, học tập và phù hợp với khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu.

2. Đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản

Người tham gia BHYT được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu tại một trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 01/2025/TT-BYT gần nơi cư trú, làm việc, học tập và phù hợp với khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Đối tượng thuộc diện được quản lý, bảo vệ sức khỏe theo Hướng dẫn số 52/HD/BTCTW ngày 02/12/2005 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng;

b) Người có công với cách mạng, cựu chiến binh, người từ đủ 75 tuổi trở lên;

c) Trẻ em;

d) Người tham gia BHYT đang sinh sống tại xã đảo (nếu trên xã đảo không có cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu);

đ) Học sinh, sinh viên, học viên của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp khối ngành sức khỏe được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc trường có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 01/2025/TT-BYT; người lao động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang làm việc có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 01/2025/TT-BYT;

e) Học sinh, sinh viên, học viên đang trong thời gian học tập, thực hành, thực tập tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT từ đủ 90 ngày trở lên được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang học tập, thực hành, thực tập có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 01/2025/TT-BYT; người lao động đang trong thời gian đi công tác đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT từ đủ 90 ngày trở lên được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đến công tác có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh BHYT đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 01/2025/TT-BYT;

g) Người công tác trong quân đội, công an khi nghỉ hưu;

h) Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo danh mục của Bộ Y tế;

i) Công chức, viên chức, học sinh, sinh viên ngoài các trường hợp quy định tại điểm đ khoản này;

k) Các đối tượng khác.

3. Trường hợp người tham gia BHYT thuộc nhiều đối tượng ưu tiên quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Thông tư số 01/2025/TT-BYT thì được lựa chọn theo đối tượng phù hợp.

4. Người công tác trong quân đội, công an nghỉ hưu lựa chọn nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

5. Việc thay đổi nơi đăng ký ban đầu được thực hiện như sau:

a) Người tham gia BHYT được thay đổi nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu vào 15 ngày đầu mỗi quý để phù hợp với nơi cư trú, làm việc hoặc học tập;

b) Cơ quan Bảo hiểm xã hội thực hiện thay đổi nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu của người tham gia BHYT trên cơ sở dữ liệu thẻ BHYT. Trường hợp thông tin trên thẻ BHYT bản giấy và bản điện tử khác nhau thì thực hiện theo thông tin trên thẻ BHYT điện tử.

III. THỦ TỤC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT

1. Người tham gia BHYT khi khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình thông tin về thẻ BHYT, giấy tờ chứng minh nhân thân theo một trong các hình thức sau:

a) Căn cước hoặc căn cước công dân hoặc tài khoản định danh điện tử (VneID) mức độ 2 đã tích hợp thông tin về thẻ BHYT;

b) Thẻ BHYT bản điện tử hoặc bản giấy. Trường hợp sử dụng thẻ BHYT chưa có ảnh thì phải xuất trình thêm một trong các giấy tờ chứng minh nhân thân: căn cước, căn cước công dân, giấy chứng nhận căn cước, hộ chiếu...

2. Trẻ em dưới 6 tuổi: xuất trình thẻ BHYT bản giấy hoặc bản điện tử hoặc mã số BHYT; trường hợp chưa được cấp thẻ BHYT thì xuất trình giấy chứng sinh bản gốc hoặc bản chụp. Đối với trẻ vừa sinh, cha hoặc mẹ hoặc thân nhân của trẻ ký xác nhận trên hồ sơ bệnh án hoặc người đại diện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xác nhận trên hồ sơ bệnh án trong trường hợp trẻ không có cha, mẹ hoặc thân nhân.

3. Người tham gia BHYT trong thời gian chờ cấp hoặc thay đổi thông tin về thẻ BHYT khi đến khám bệnh, chữa bệnh phải xuất trình giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cấp, cấp lại và đổi thẻ BHYT, thông tin về thẻ BHYT.

4. Người đã hiến bộ phận cơ thể người phải xuất trình thông tin về thẻ BHYT theo quy định nêu trên, trường hợp chưa có thẻ BHYT thì phải xuất trình giấy ra viện do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi lấy bộ phận cơ thể người cấp kèm theo một trong các giấy tờ chứng minh nhân thân (căn cước, căn cước công dân, giấy chứng nhận căn cước, hộ chiếu, liên kết tài khoản VneID mức độ 2 hoặc ứng dụng VssID hoặc giấy tờ chứng minh nhân thân khác) do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

5. Trường hợp cấp cứu, người tham gia BHYT phải xuất trình các giấy tờ theo quy định nêu trên trước khi kết thúc đợt điều trị.

6. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ quan bảo hiểm xã hội không được quy định thêm thủ tục khám bệnh, chữa bệnh BHYT ngoài các thủ tục quy định.

IV. CHUYỂN NGƯỜI BỆNH GIỮA CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BHYT

1. Việc chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

2. Các trường hợp chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT theo đúng trình tự bao gồm:

a) Chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT trong cùng cấp khám bệnh, chữa bệnh, từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu

đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu theo yêu cầu chuyên môn, tình trạng bệnh của người bệnh hoặc vượt khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài các trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 và Điều 5 Thông tư số 01/2025/TT-BYT;

b) Chuyển người bệnh từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu trong trường hợp vượt khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản tại tỉnh;

c) Chuyển người bệnh đã điều trị ổn định từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản hoặc cấp ban đầu, chuyển người bệnh từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu để tiếp tục điều trị, theo dõi;

d) Chuyển người bệnh từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu hoặc cấp cơ bản về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu để điều trị, quản lý, theo dõi đối với các bệnh mạn tính theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

đ) Chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối với người mắc bệnh mạn tính hoặc điều trị dài ngày theo danh mục bệnh quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 01/2025/TT-BYT thì phiếu chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giá trị trong 01 năm kể từ ngày ghi trên phiếu chuyển và thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 5 Thông tư 01/2025/TT-BYT.

e) Trường hợp người có thẻ BHYT tự đi khám bệnh, chữa bệnh không theo quy định tại Điều 26, Điều 27 của Luật BHYT và thuộc trường hợp quy định tại các điểm e, g, h (trừ trường hợp được hưởng 100% tại điểm e và điểm h) khoản 4 Điều 22 của Luật BHYT sau đó được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác theo yêu cầu chuyên môn;

g) Trường hợp cấp cứu, sau giai đoạn điều trị cấp cứu, người bệnh được chuyển vào điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đã tiếp nhận cấp cứu người bệnh hoặc được chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác để tiếp tục điều trị theo yêu cầu chuyên môn hoặc được chuyển về nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu sau khi đã điều trị ổn định.

h) Chuyển người bệnh về cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT cấp ban đầu nơi người bệnh đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu để điều trị, quản lý, theo dõi đối với các bệnh mạn tính: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

i) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ thực hiện chuyển người bệnh hoặc mẫu bệnh phẩm đến cơ sở tiếp nhận được cấp có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện dịch vụ cận lâm sàng và phải có ký hợp đồng nguyên tắc với cơ sở thực hiện dịch vụ cận lâm sàng theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP.

j) Các nội dung khác thực hiện theo hướng dẫn của Luật BHYT, Nghị định số 188/2025/NĐ-CP, Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

V. HỒ SƠ CHUYỂN CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

1. Trường hợp chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT theo yêu cầu chuyên môn, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi chuyển người bệnh phải có Phiếu chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT bằng bản giấy hoặc bản điện tử. Phiếu chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giá trị sử dụng trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày ký.

2. Người tham gia BHYT mắc các bệnh, nhóm bệnh và các trường hợp quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT được sử dụng Phiếu chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giá trị sử dụng trong 01 năm kể từ ngày ký. Trường hợp hết thời hạn của Phiếu chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mà người bệnh vẫn đang trong lần khám bệnh, chữa bệnh và cần tiếp tục điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì Phiếu chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có giá trị sử dụng đến hết đợt điều trị đó.

3. Trường hợp người bệnh được chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có bệnh khác kèm theo, bệnh được phát hiện hoặc phát sinh ngoài bệnh đã ghi trên Phiếu chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi tiếp nhận người bệnh thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh đối với các bệnh đó theo tình trạng bệnh của người bệnh và năng lực chuyên môn, phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở.

4. Trường hợp người bệnh được chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mà phải thực hiện nhiều đợt điều trị theo yêu cầu chuyên môn, người bệnh được tiếp tục sử dụng Phiếu chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cho đến khi kết thúc điều trị và sau đợt điều trị đầu tiên, mỗi đợt điều trị tiếp theo phải có Phiếu hẹn khám lại của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người bệnh được chuyển đến.

5. Trường hợp người bệnh được chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác hoặc người bệnh tự đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu và sau đó được chuyển tiếp đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác thì chỉ cần Phiếu chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi trực tiếp chuyển người bệnh đi.

6. Người tham gia BHYT không phải thực hiện quy định về chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thuộc trường hợp danh mục một số bệnh hiếm, bệnh hiếm nghèo, bệnh cần phẫu thuật hoặc sử dụng kỹ thuật cao được 100% mức hưởng theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 22 của Luật BHYT như sau:

a) Danh mục một số bệnh được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 01/2025/TT-BYT;

b) Danh mục một số bệnh được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 01/2025/TT-BYT.

VI. THỦ TỤC HẸN KHÁM LẠI

Người bệnh được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT hẹn khám lại trong trường hợp cần tiếp tục theo dõi tình trạng bệnh hoặc kiểm tra lại kết quả của đợt khám, điều trị đó theo yêu cầu chuyên môn theo thủ tục sau đây:

1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ghi nội dung, lịch hẹn khám lại trong Phiếu hẹn khám lại (bản giấy hoặc bản điện tử) theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT hoặc ghi trong đơn thuốc, giấy ra viện (bản giấy hoặc bản điện tử) cho người bệnh (gọi chung là Phiếu hẹn khám lại).

2. Phiếu hẹn khám lại bản giấy có đóng dấu treo của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên góc trái, phía trên và chữ ký của bác sỹ điều trị. Phiếu hẹn khám lại bản điện tử có chữ ký số của bác sỹ điều trị. Mỗi Phiếu hẹn khám lại chỉ sử dụng 01 (một) lần.

3. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ghi nội dung, lịch hẹn vào sổ lịch hẹn khám lại hoặc trên dữ liệu điện tử của cơ sở KBCB để theo dõi, đối chiếu khi cần thiết.

4. Người bệnh có trách nhiệm đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đúng thời gian ghi trên Phiếu hẹn khám lại. Trường hợp người bệnh không thể đến đúng thời gian hẹn thì cần liên hệ với bác sỹ điều trị hoặc cơ sở KBCB để đặt lịch hẹn khác phù hợp.

5. Số lần hẹn khám lại được thực hiện theo yêu cầu chuyên môn sau mỗi lượt khám bệnh, chữa bệnh. Chỉ được hẹn khám lại một lần sau khi kết thúc một đợt điều trị.

Hướng dẫn này thay thế cho các hướng dẫn trước đây của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Sở Y tế tỉnh Phú Yên (trước đây). Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Hướng dẫn này thay đổi thì thực hiện theo quy định của văn bản mới. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị gửi văn bản về Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk (qua Phòng Nghiệp vụ Y Dược) để tổng hợp, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Y tế về đăng ký khám bệnh, chữa bệnh BHYT ban đầu và chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh BHYT năm 2026 trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Y tế (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BHXH tỉnh Đắk Lắk (phối hợp);
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các tổ chức TMTH-CMNV thuộc Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD_(Ng).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Vũ Quang

PHỤ LỤC:
DANH SÁCH CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH, CHỮA
BỆNH BHYT BAN ĐẦU NĂM 2026

(gửi kèm Công văn số: /SYT-NVYD, ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế)

STT	Mã cơ sở KCB	Tên cơ sở KCB BHYT	Loại hình hoạt động	Cấp CMKT	Số thẻ BHYT dự kiến 2026	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
1	66001	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây nguyên	Công lập	Cơ bản	60.000	
2	66002	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk	Công lập	Cơ bản	2.000	
3	66003	Bệnh viện Đa khoa Buôn Ma Thuột	Công lập	Cơ bản	115.000	
4	66004	Trung tâm y tế Krông Pắc	Công lập	Cơ bản	87.000	
5	66005	Trung tâm y tế Ea Kar	Công lập	Cơ bản	35.000	
6	66006	Trung tâm y tế MĐrắk	Công lập	Cơ bản	15.000	
7	66007	Trung tâm y tế Krông Bông	Công lập	Cơ bản	10.000	
8	66008	Trung tâm y tế Lắk	Công lập	Cơ bản	5.000	
9	66009	Trạm y tế Tân Lập	Công lập	Ban đầu	200	
10	66010	Trung tâm y tế Krông Ana	Công lập	Cơ bản	32.000	
11	66011	Trạm y tế Tân Hoà	Công lập	Ban đầu	200	
12	66012	Trạm y tế Tân An	Công lập	Ban đầu	200	
13	66014	Trạm y tế Thành Nhất	Công lập	Ban đầu	200	
14	66015	Trung tâm y tế Cư M'gar	Công lập	Cơ bản	32.000	
15	66016	Trung tâm y tế Ea Súp	Công lập	Cơ bản	8.000	
16	66017	Trung tâm y tế Krông Năng	Công lập	Cơ bản	14.000	
17	66018	Trung tâm y tế Krông Búk	Công lập	Cơ bản	5.000	
18	66019	Trung tâm y tế Ea Hleo	Công lập	Cơ bản	31.000	
19	66020	Trung tâm y tế Buôn Đôn	Công lập	Cơ bản	4.000	
20	66021	Trung tâm Y tế Cư Kuin	Công lập	Cơ bản	70.000	
21	66022	Bệnh viện đa khoa khu vực 333	Công lập	Cơ bản	23.000	
22	66024	Bệnh viện Số 1 Công an tỉnh Đắk Lắk	Công lập	Cơ bản	1.000	
23	66028	Trạm y tế Tân Lợi	Công lập	Ban đầu	200	
24	66030	Trạm y tế Thành Công	Công lập	Ban đầu	200	
25	66031	Trạm y tế Tân Thành	Công lập	Ban đầu	200	
26	66032	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình	Ngoài công lập	Cơ bản	3.500	
27	66042	Trạm y tế Tân Tiến	Công lập	Ban đầu	200	
28	66044	Trạm y tế Tự An	Công lập	Ban đầu	200	
29	66047	Trạm Y Tế 49 Phú Xuân	Công lập	Ban đầu	6.500	
30	66051	Trạm y tế Ea Tam	Công lập	Ban đầu	200	
31	66052	Trạm y tế Khánh Xuân	Công lập	Ban đầu	200	
32	66053	Trạm y tế Hòa Thuận	Công lập	Ban đầu	1.500	
33	66054	Trạm y tế Cư ÊBur	Công lập	Ban đầu	200	
34	66055	Trạm y tế Ea Tu	Công lập	Ban đầu	200	
35	66056	Trạm y tế Hòa Thắng	Công lập	Ban đầu	200	
36	66057	Trạm y tế Ea Kao	Công lập	Ban đầu	200	
37	66058	Trạm y tế Hòa Phú	Công lập	Ban đầu	300	
38	66059	Trạm y tế Hòa Khánh	Công lập	Ban đầu	200	

39	66060	Trạm y tế Hòa Xuân	Công lập	Ban đầu	300	
40	66061	Trạm y tế Ea Drăng	Công lập	Ban đầu	5.500	
41	66062	Trạm y tế Ea H'Leo	Công lập	Ban đầu	9.000	
42	66063	Trạm Y tế Ea Sol	Công lập	Ban đầu	9.500	
43	66064	Trạm Y tế Ea Ral	Công lập	Ban đầu	8.500	
44	66065	Trạm Y Tế Ea Wy	Công lập	Ban đầu	9.500	
45	66066	Trạm Y tế Cư Mốt	Công lập	Ban đầu	6.000	
46	66067	Trạm Y tế Ea Hiao	Công lập	Ban đầu	14.000	
47	66068	Trạm Y tế Ea Khăl	Công lập	Ban đầu	5.300	
48	66069	Bệnh viện Trường Đại học Tây Nguyên	Công lập	Cơ bản	60.000	
49	66072	Trạm y tế Dliê Yang	Công lập	Ban đầu	6.000	
50	66073	Trạm y tế Ea Nam	Công lập	Ban đầu	8.000	
51	66074	Trạm y tế Ea Súp	Công lập	Ban đầu	4.000	
52	66075	Trạm y tế Ia Lốp	Công lập	Ban đầu	6.000	
53	66076	Trạm y tế Ea Rók	Công lập	Ban đầu	10.100	
54	66077	Trạm y tế Ya Tờ Mốt	Công lập	Ban đầu	5.200	
55	66078	Trạm y tế Ea Lê	Công lập	Ban đầu	11.500	
56	66079	Trạm y tế Cư KBang	Công lập	Ban đầu	12.000	
57	66080	Trạm y tế Ea Bung	Công lập	Ban đầu	3.100	
58	66081	Trạm y tế Cư MLan	Công lập	Ban đầu	5.500	
59	66082	Trạm y tế Krông Na	Công lập	Ban đầu	6.000	
60	66083	Trạm y tế Ea Huar	Công lập	Ban đầu	2.500	
61	66084	Trạm y tế Ea Wer	Công lập	Ban đầu	19.000	
62	66085	Trạm y tế Tân Hoà	Công lập	Ban đầu	6.000	
63	66086	Trạm y tế Cuôr KNia	Công lập	Ban đầu	5.000	
64	66087	Trạm y tế Ea Bar	Công lập	Ban đầu	11.000	
65	66088	Trạm y tế Ea Nuôl	Công lập	Ban đầu	15.000	
66	66089	Trạm y tế Ea Pók	Công lập	Ban đầu	11.000	
67	66090	Trạm y tế xã Quảng Phú	Công lập	Ban đầu	700	
68	66091	Trạm y tế Quảng Tiến	Công lập	Ban đầu	4.500	
69	66092	Trạm y tế Ea Kiết	Công lập	Ban đầu	9.000	
70	66093	Trạm y tế Ea Tar	Công lập	Ban đầu	5.500	
71	66094	Trạm y tế Cư Dliê Mnông	Công lập	Ban đầu	7.000	
72	66095	Trạm y tế Ea Hđinh	Công lập	Ban đầu	8.500	
73	66096	Trạm y tế Ea Tul	Công lập	Ban đầu	11.000	
74	66097	Trạm y tế Ea KPam	Công lập	Ban đầu	5.000	
75	66098	Trạm y tế Ea MDRóh	Công lập	Ban đầu	6.000	
76	66099	Trạm y tế Quảng Hiệp	Công lập	Ban đầu	9.500	
77	66100	Trạm y tế Cư M'gar	Công lập	Ban đầu	6.500	
78	66101	Trạm y tế Ea DRong	Công lập	Ban đầu	11.000	
79	66102	Trạm y tế Ea Mnang	Công lập	Ban đầu	7.000	
80	66103	Trạm y tế Cư Suê	Công lập	Ban đầu	7.500	
81	66104	Trạm y tế Cuôr Đăng	Công lập	Ban đầu	9.500	
82	66106	Trạm y tế Cư Né	Công lập	Ban đầu	11.000	
83	66107	Trạm y tế Chư KBô	Công lập	Ban đầu	6.000	
84	66108	Trạm y tế Cư Pong	Công lập	Ban đầu	13.000	
85	66109	Trạm y tế Pong Drang	Công lập	Ban đầu	10.000	

86	66110	Trạm y tế Ea Ngai	Công lập	Ban đầu	3.000	
87	66111	Trạm y tế Đoàn Kết	Công lập	Ban đầu	800	
88	66113	Trạm y tế Ea Drông	Công lập	Ban đầu	9.500	
89	66114	Trạm y tế Thống Nhất	Công lập	Ban đầu	10.000	
90	66115	Trạm y tế Ea Siên	Công lập	Ban đầu	5.000	
91	66116	Trạm y tế Bình Thuận	Công lập	Ban đầu	9.000	
92	66117	Trạm y tế Cư Bao	Công lập	Ban đầu	7.500	
93	66118	Trạm y tế Krông Năng	Công lập	Ban đầu	2.500	
94	66119	Trạm Y tế DLiê Ya	Công lập	Ban đầu	19.000	
95	66120	Trạm y tế Ea Tóh	Công lập	Ban đầu	12.000	
96	66121	Trạm y tế Ea Tam	Công lập	Ban đầu	9.000	
97	66122	Trạm Y Tế Phú Lộc	Công lập	Ban đầu	9.000	
98	66123	Trạm y tế Tam Giang	Công lập	Ban đầu	6.500	
99	66124	Trạm y tế Ea Hồ	Công lập	Ban đầu	14.000	
100	66125	Trạm Y tế Phú Xuân	Công lập	Ban đầu	8.000	
101	66126	Trạm y tế Cư Klông	Công lập	Ban đầu	6.500	
102	66127	Trạm y tế Ea Tân	Công lập	Ban đầu	9.000	
103	66128	Trạm y tế Ea Púk	Công lập	Ban đầu	6.000	
104	66129	Trạm y tế Ea Dăh	Công lập	Ban đầu	10.000	
105	66130	Trạm y tế Ea Kar	Công lập	Ban đầu	1.000	
106	66131	Trạm y tế Ea Knốp	Công lập	Ban đầu	3.500	
107	66132	Trạm y tế Ea Sô	Công lập	Ban đầu	2.500	
108	66133	Trạm y tế Xuân Phú	Công lập	Ban đầu	1.700	
109	66134	Trạm y tế Cư Huê	Công lập	Ban đầu	4.400	
110	66135	Trạm y tế Ea Tih	Công lập	Ban đầu	4.600	
111	66136	Trạm y tế Ea Đar	Công lập	Ban đầu	2.000	
112	66137	Trạm y tế Ea Kmút	Công lập	Ban đầu	4.900	
113	66138	Trạm y tế Cư Ni	Công lập	Ban đầu	5.700	
114	66139	Trạm y tế Ea Păl	Công lập	Ban đầu	5.100	
115	66140	Trạm y tế Ea Ô	Công lập	Ban đầu	6.700	
116	66141	Trạm y tế Cư Bông	Công lập	Ban đầu	7.000	
117	66142	Trạm y tế Cư Yang	Công lập	Ban đầu	8.000	
118	66143	Trạm y tế Cư Prông	Công lập	Ban đầu	4.700	
119	66144	Trạm y tế Cư Elang	Công lập	Ban đầu	9.000	
120	66145	Trạm y tế M'Đrăk	Công lập	Ban đầu	100	
121	66146	Trạm y tế Cư Prao	Công lập	Ban đầu	9.000	
122	66147	Trạm y tế Ea Pil	Công lập	Ban đầu	3.000	
123	66148	Trạm y tế Ea Lai	Công lập	Ban đầu	1.000	
124	66149	Trạm y tế Ea HMLay	Công lập	Ban đầu	2.000	
125	66150	Trạm y tế Krông Jing	Công lập	Ban đầu	10.500	
126	66151	Trạm y tế Ea MDoal	Công lập	Ban đầu	5.000	
127	66152	Trạm y tế Ea Riêng	Công lập	Ban đầu	4.000	
128	66153	Trạm y tế Cư Mta	Công lập	Ban đầu	8.000	
129	66154	Trạm y tế Cư KRóa	Công lập	Ban đầu	5.000	
130	66155	Trạm y tế KRông á	Công lập	Ban đầu	1.000	
131	66156	Trạm y tế Ea Trang	Công lập	Ban đầu	6.300	
132	66157	Trạm y tế Krông Kmar	Công lập	Ban đầu	2.400	
133	66158	Trạm y tế Dang Kang	Công lập	Ban đầu	7.500	

134	66159	Trạm y tế Cư KTy	Công lập	Ban đầu	3.400	
135	66160	Trạm y tế Hòa Thành	Công lập	Ban đầu	5.000	
136	66162	Trạm y tế Hòa Phong	Công lập	Ban đầu	10.000	
137	66163	Trạm y tế Hòa Lễ	Công lập	Ban đầu	5.000	
138	66164	Trạm y tế Yang Reh	Công lập	Ban đầu	6.500	
139	66165	Trạm y tế Ea Trul	Công lập	Ban đầu	6.900	
140	66166	Trạm y tế Khuê Ngọc Điền	Công lập	Ban đầu	4.700	
141	66167	Trạm y tế Cư Pui	Công lập	Ban đầu	16.000	
142	66168	Trạm y tế Hòa Sơn	Công lập	Ban đầu	7.000	
143	66169	Trạm y tế Cư Drăm	Công lập	Ban đầu	11.500	
144	66170	Trạm y tế Yang Mao	Công lập	Ban đầu	5.500	
145	66171	Trạm Y tế Phước An	Công lập	Ban đầu	1.200	
146	66172	Trạm y tế KRông Búk	Công lập	Ban đầu	6.000	
147	66173	Trạm y tế Ea Kly	Công lập	Ban đầu	12.000	
148	66174	Trạm y tế Ea Kênh	Công lập	Ban đầu	3.200	
149	66175	Trạm y tế Ea Phê	Công lập	Ban đầu	6.000	
150	66176	Trạm y tế Ea Knuếc	Công lập	Ban đầu	7.500	
151	66177	Trạm y tế Ea Yông	Công lập	Ban đầu	4.000	
152	66178	Trạm y tế Hòa An	Công lập	Ban đầu	3.200	
153	66179	Trạm y tế Ea Kuăng	Công lập	Ban đầu	4.500	
154	66180	Trạm y tế Hoà Đông	Công lập	Ban đầu	5.000	
155	66181	Trạm y tế Ea Hiu	Công lập	Ban đầu	5.000	
156	66182	Trạm y tế Hòa Tiến	Công lập	Ban đầu	2.900	
157	66183	Trạm y tế Tân Tiến	Công lập	Ban đầu	4.900	
158	66184	Trạm y tế Vụ Bồn	Công lập	Ban đầu	18.000	
159	66185	Trạm y tế Ea Uy	Công lập	Ban đầu	4.100	
160	66186	Trạm y tế Ea Yêng	Công lập	Ban đầu	7.200	
161	66187	Trạm y tế Buôn Tráp	Công lập	Ban đầu	200	
162	66188	Trạm Y tế Cư Êwi	Công lập	Ban đầu	4.000	
163	66189	Trạm Y tế Ea Ktur	Công lập	Ban đầu	1.800	
164	66190	Trạm Y tế Ea Tiêu	Công lập	Ban đầu	5.100	
165	66191	Trạm Y tế Ea BHók	Công lập	Ban đầu	2.000	
166	66192	Trạm Y tế Ea Hu	Công lập	Ban đầu	2.000	
167	66193	Trạm y tế Dray Sáp	Công lập	Ban đầu	7.000	
168	66194	Trạm y tế Ea Na	Công lập	Ban đầu	11.000	
169	66195	Trạm Y tế Hòa Hiệp	Công lập	Ban đầu	2.000	
170	66196	Trạm y tế Ea Bông	Công lập	Ban đầu	12.500	
171	66197	Trạm y tế Băng A Drênh	Công lập	Ban đầu	2.300	
172	66198	Trạm y tế Dur KMăl	Công lập	Ban đầu	5.000	
173	66199	Trạm y tế Bình Hòa	Công lập	Ban đầu	3.000	
174	66200	Trạm y tế Quảng Điền	Công lập	Ban đầu	4.500	
175	66201	Trạm Y tế Dray Bhang	Công lập	Ban đầu	1.500	
176	66202	Trạm y tế Liên Sơn	Công lập	Ban đầu	3.000	
177	66203	Trạm y tế Yang Tao	Công lập	Ban đầu	9.500	
178	66204	Trạm y tế Bông Krang	Công lập	Ban đầu	8.000	
179	66205	Trạm y tế Đăk Liêng	Công lập	Ban đầu	11.500	
180	66206	Trạm y tế Buôn Triết	Công lập	Ban đầu	7.200	
181	66207	Trạm y tế Buôn Tría	Công lập	Ban đầu	2.400	

182	66208	Trạm y tế Đắc Phơi	Công lập	Ban đầu	8.500	
183	66209	Trạm y tế Đắc Nuê	Công lập	Ban đầu	7.500	
184	66210	Trạm Y tế Krông Nô	Công lập	Ban đầu	10.500	
185	66211	Trạm y tế Nam Ka	Công lập	Ban đầu	3.000	
186	66212	Trạm y tế Ea RBin	Công lập	Ban đầu	3.500	
187	66213	Trạm y tế Ea Kuêh	Công lập	Ban đầu	6.000	
188	66214	Trạm y tế Ia JLoi	Công lập	Ban đầu	3.500	
189	66215	Trạm y tế Ia R Vê	Công lập	Ban đầu	7.000	
190	66216	Trạm y tế Cư A Mung	Công lập	Ban đầu	5.000	
191	66217	Trạm y tế Tân Lập (Krông Búk)	Công lập	Ban đầu	1.000	
192	66220	Bệnh viện Đa khoa Buôn Hồ	Công lập	Cơ bản	55.000	
193	66221	Trạm Y tế Ea Ning	Công lập	Ban đầu	3.000	
194	66222	Trạm y tế Ea Sar	Công lập	Ban đầu	8.500	
195	66223	Trạm y tế Ea Sin	Công lập	Ban đầu	3.500	
196	66224	Trạm y tế Cư San	Công lập	Ban đầu	8.000	
197	66225	Trạm y tế Ea Tir	Công lập	Ban đầu	5.800	
198	66226	Trạm y tế Đạt Hiếu	Công lập	Ban đầu	2.000	
199	66227	Trạm y tế An Lạc	Công lập	Ban đầu	1.500	
200	66228	Trạm y tế An Bình	Công lập	Ban đầu	1.500	
201	66229	Trạm y tế Thiện An	Công lập	Ban đầu	1.000	
202	66230	Trạm y tế Bình Tân	Công lập	Ban đầu	5.000	
203	66232	Bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh	Ngoài công lập	Cơ bản	124.000	
204	66233	Bệnh viện Phổi tỉnh Đắk Lắk	Công lập	Cơ bản	0	Không nhận đăng ký ban đầu
205	66234	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Đắk Lắk	Công lập	Cơ bản	0	Không nhận đăng ký ban đầu
206	66235	Bệnh viện Mắt tỉnh Đắk Lắk	Công lập	Cơ bản	0	Không nhận đăng ký ban đầu
207	66236	Phòng khám CK Da liễu thuộc Bệnh viện Da liễu tỉnh Đắk Lắk	Công lập	Ban đầu	0	Không nhận đăng ký ban đầu
208	66237	Phòng khám đa khoa Hoàn hảo	Ngoài công lập	Ban đầu	1.000	
209	66238	Phòng khám đa khoa Medic Đất Việt	Ngoài công lập	Ban đầu	1.000	
210	66239	Bệnh viện Đa khoa Cao Nguyên thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Đa khoa Cao Nguyên	Ngoài công lập	Cơ bản	1.500	
211	66240	Bệnh viện Mắt Tây Nguyên	Ngoài công lập	Cơ bản	0	Không nhận đăng ký ban đầu
212	66242	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS	Công lập	Ban đầu	0	Không nhận đăng ký

						ban đầu
213	66244	Bệnh viện nhi Đức Tâm	Ngoài công lập	Cơ bản	1.500	
214	66247	Phòng khám đa khoa An Bình	Ngoài công lập	Ban đầu	2.000	
215	66249	Phòng Khám Đa Khoa Tâm Phúc - Ea H'leo	Ngoài công lập	Ban đầu	2.000	
216	66250	Bệnh viện Đại học Y dược Buôn Ma Thuột	Ngoài công lập	Cơ bản	20.000	
217	66251	Phòng khám Đa khoa Phúc Tâm thuộc Công ty TNHH Đa khoa Phúc Tâm	Ngoài công lập	Ban đầu	1.000	
218	66252	Phòng khám Đa khoa Tâm Phúc Buôn Hồ thuộc Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tâm Phúc Buôn Hồ	Ngoài công lập	Ban đầu	1.000	
219	66253	Phòng khám đa khoa Tâm Phúc Ea Kar thuộc Công Ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tâm Phúc EaKar	Ngoài công lập	Ban đầu	1.000	
220	66254	Phòng khám Đa khoa Y Dược Ban Mê thuộc Công ty cổ phần Y Dược Ban Mê	Ngoài công lập	Ban đầu	1.000	
221	66255	Phòng Khám Đa Khoa Tân Phúc Buôn Ma Thuột thuộc Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tân Phúc Buôn Ma Thuột	Ngoài công lập	Ban đầu	1.000	
222	66257	Phòng khám Đa khoa Medic CT Krông Năng thuộc Công ty TNHH Medic CT	Ngoài công lập	Ban đầu	1.000	
223	66258	Bệnh viện Mắt Khải Hoàn thuộc Công ty TNHH Bệnh viện Mắt Khải Hoàn	Ngoài công lập	Cơ bản	0	Không nhận đăng ký ban đầu
224	66259	Phòng Khám Đa Khoa Phúc Khang thuộc Công ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Phúc Khang	Ngoài công lập	Ban đầu	1.000	
225	66260	Phòng khám đa khoa Medic Ea Phê thuộc Công ty TNHH Phòng khám Đa Khoa Medic Ea Phê	Ngoài công lập	Ban đầu	1.000	
226	66261	Phòng Khám Đa Khoa Tâm Phúc Krông Pắc thuộc Công Ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Tâm Phúc Krông Pắc	Ngoài công lập	Ban đầu	1.000	
227	54001	Bệnh viện đa khoa Phú Yên	Công lập	Cơ bản	15.000	
228	54002	Trung tâm Y tế Đông Hòa	Công lập	Cơ bản	78.000	
229	54003	Trung tâm Y tế Tuy An	Công lập	Cơ bản	43.000	
230	54004	Trung tâm Y tế Sông Hinh	Công lập	Cơ bản	19.000	
231	54005	Trung tâm Y tế Sông Cầu	Công lập	Cơ bản	65.000	
232	54006	Trung tâm Y tế Sơn Hòa	Công lập	Cơ bản	25.000	
233	54007	Trung tâm Y tế Đồng Xuân	Công lập	Cơ bản	25.000	
234	54008	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Đắk Lắk	Công lập	Cơ bản	2.000	
235	54009	Trạm y tế Xuân Lộc	Công lập	Ban đầu	4.000	
236	54010	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Đắk Lắk	Công lập	Cơ bản	32.000	

237	54011	Trạm y tế Sơn Thành Đông	Công lập	Ban đầu	1.000	
238	54012	Trung tâm Y tế Tây Hòa	Công lập	Cơ bản	96.000	
239	54014	Trạm y tế Xuân Bình	Công lập	Ban đầu	5.000	
240	54015	Trạm y tế Xuân Lãnh	Công lập	Ban đầu	9.500	
241	54016	Trung tâm Y tế Tuy Hòa	Công lập	Cơ bản	35.000	
242	54017	Trạm y tế An Mỹ	Công lập	Ban đầu	11.000	
243	54018	Bệnh viện Y học cổ truyền Phú Yên	Công lập	Cơ bản	1.000	
244	54020	Trạm y tế Sơn Long	Công lập	Ban đầu	2.200	
245	54021	Trạm y tế Sơn Hội	Công lập	Ban đầu	5.000	
246	54023	Trạm y tế Sơn Hà	Công lập	Ban đầu	3.200	
247	54025	Bệnh viện Mắt Phú Yên	Công lập	Cơ bản	0	Không nhận đăng ký ban đầu
248	54028	Trung tâm Y tế Phú Hòa	Công lập	Cơ bản	48.000	
249	54029	Trạm y tế 1	Công lập	Ban đầu	5.000	
250	54031	Trạm y tế 2	Công lập	Ban đầu	5.500	
251	54032	Trạm y tế 9	Công lập	Ban đầu	8.000	
252	54034	Trạm y tế 4	Công lập	Ban đầu	5.000	
253	54035	Trạm y tế 5	Công lập	Ban đầu	6.000	
254	54036	Trạm y tế 7	Công lập	Ban đầu	2.000	
255	54038	Trạm y tế Hòa Kiến	Công lập	Ban đầu	5.500	
256	54039	Trạm y tế Bình Kiến	Công lập	Ban đầu	5.000	
257	54042	Trạm y tế An Phú	Công lập	Ban đầu	6.000	
258	54044	Trạm y tế Xuân Hải	Công lập	Ban đầu	3.000	
259	54046	Trạm y tế Xuân Cảnh	Công lập	Ban đầu	1.000	
260	54047	Trạm y tế Xuân Thịnh	Công lập	Ban đầu	3.000	
261	54048	Trạm y tế Xuân Phương	Công lập	Ban đầu	2.000	
262	54049	Trạm y tế Xuân Thọ 1	Công lập	Ban đầu	1.200	
263	54050	Trạm y tế Xuân Thọ 2	Công lập	Ban đầu	1.100	
264	54051	Trạm y tế Xuân Lâm	Công lập	Ban đầu	1.000	
265	54053	Trạm y tế Đa Lộc	Công lập	Ban đầu	3.500	
266	54054	Trạm y tế Phú Mỡ	Công lập	Ban đầu	3.500	
267	54056	Trạm y tế Xuân Long	Công lập	Ban đầu	1.500	
268	54057	Trạm y tế Xuân Quang 1	Công lập	Ban đầu	4.000	
269	54058	Trạm y tế Xuân Sơn Bắc	Công lập	Ban đầu	2.000	
270	54059	Trạm y tế Xuân Quang 2	Công lập	Ban đầu	1.500	
271	54060	Trạm y tế Xuân Sơn Nam	Công lập	Ban đầu	1.500	
272	54061	Trạm y tế Xuân Quang 3	Công lập	Ban đầu	1.000	
273	54062	Trạm y tế Xuân Phước	Công lập	Ban đầu	5.000	
274	54064	Trạm y tế An Dân	Công lập	Ban đầu	2.000	
275	54065	Trạm y tế An Ninh Tây	Công lập	Ban đầu	9.000	
276	54066	Trạm y tế An Ninh Đông	Công lập	Ban đầu	13.000	
277	54067	Trạm y tế An Thạch	Công lập	Ban đầu	1.000	
278	54068	Trạm y tế An Định	Công lập	Ban đầu	1.000	
279	54071	Trạm y tế An Cư	Công lập	Ban đầu	3.500	
280	54072	Trạm y tế An Xuân	Công lập	Ban đầu	1.500	
281	54073	Trạm y tế An Lĩnh	Công lập	Ban đầu	1.500	

282	54074	Trạm y tế An Hòa Hải	Công lập	Ban đầu	14.000	
283	54075	Trạm y tế An Hiệp	Công lập	Ban đầu	6.500	
284	54076	Trạm y tế An Chấn	Công lập	Ban đầu	9.000	
285	54077	Trạm y tế An Thọ	Công lập	Ban đầu	3.000	
286	54080	Trạm y tế Phước Tân	Công lập	Ban đầu	3.000	
287	54081	Trạm y tế Sơn Định	Công lập	Ban đầu	2.000	
288	54082	Trạm y tế Cà Lúi	Công lập	Ban đầu	3.200	
289	54083	Trạm y tế Sơn Phước	Công lập	Ban đầu	4.500	
290	54084	Trạm y tế Sơn Xuân	Công lập	Ban đầu	1.500	
291	54085	Trạm y tế Sơn Nguyên	Công lập	Ban đầu	1.000	
292	54086	Trạm y tế Eachà Rang	Công lập	Ban đầu	4.000	
293	54087	Trạm y tế Krông Pa	Công lập	Ban đầu	4.200	
294	54088	Trạm y tế Suối Bạc	Công lập	Ban đầu	2.000	
295	54089	Trạm y tế Suối Trai	Công lập	Ban đầu	2.500	
296	54091	Trạm y tế Ea Lâm	Công lập	Ban đầu	3.000	
297	54092	Trạm y tế Đức Bình Tây	Công lập	Ban đầu	1.000	
298	54093	Trạm y tế Ea Bá	Công lập	Ban đầu	3.500	
299	54094	Trạm y tế Sơn Giang	Công lập	Ban đầu	3.000	
300	54095	Trạm y tế Đức Bình Đông	Công lập	Ban đầu	3.200	
301	54096	Trạm y tế Eabar	Công lập	Ban đầu	3.000	
302	54097	Trạm y tế EaBia	Công lập	Ban đầu	2.000	
303	54098	Trạm y tế EaTrol	Công lập	Ban đầu	5.000	
304	54099	Trạm y tế Sông Hinh	Công lập	Ban đầu	2.000	
305	54100	Trạm y tế Ealy	Công lập	Ban đầu	5.000	
306	54102	Bệnh viện Da liễu tỉnh Đắk Lắk	Công lập	Cơ bản	0	Không nhận đăng ký ban đầu
307	54110	Trạm y tế Phú Đông	Công lập	Ban đầu	1.000	
308	54111	Trạm y tế Phú Thạnh	Công lập	Ban đầu	1.000	
309	54113	Trạm y tế Xuân Phú	Công lập	Ban đầu	200	
310	54114	Trạm y tế Xuân Thành	Công lập	Ban đầu	1.000	
311	54115	Trạm y tế Xuân Đài	Công lập	Ban đầu	2.000	
312	54116	Bệnh viện số 2 Công an tỉnh Đắk Lắk	Công lập	Cơ bản	7.500	
313	54117	Phòng khám chuyên khoa HIV/AIDS - Tư vấn điều trị dự phòng	Công lập	Ban đầu	0	Không nhận đăng ký ban đầu
314	54120	Trạm y tế Hòa Quang Bắc	Công lập	Ban đầu	9.000	
315	54121	Trạm y tế Hoà Quang Nam	Công lập	Ban đầu	2.000	
316	54122	Trạm y tế Hòa Hội	Công lập	Ban đầu	1.000	
317	54123	Trạm y tế Hòa Trị	Công lập	Ban đầu	18.000	
318	54124	Trạm y tế Hòa An	Công lập	Ban đầu	15.000	
319	54125	Trạm y tế Hòa Định Đông	Công lập	Ban đầu	1.000	
320	54126	Trạm y tế Hòa Định Tây	Công lập	Ban đầu	1.000	
321	54127	Trạm y tế Hòa Thắng	Công lập	Ban đầu	2.000	
322	54128	Trạm y tế Sơn Thành Tây	Công lập	Ban đầu	1.200	
323	54130	Trạm y tế Hoà Bình 1	Công lập	Ban đầu	1.000	
324	54132	Trạm y tế Hoà Phong	Công lập	Ban đầu	1.500	

325	54133	Trạm y tế Hoà Phú	Công lập	Ban đầu	1.000	
326	54134	Trạm y tế Hoà Tân Tây	Công lập	Ban đầu	1.300	
327	54135	Trạm y tế Hoà Đồng	Công lập	Ban đầu	1.000	
328	54136	Trạm y tế Hoà Mỹ Đông	Công lập	Ban đầu	1.000	
329	54137	Trạm y tế Hoà Mỹ Tây	Công lập	Ban đầu	2.500	
330	54138	Trạm y tế Hoà Thịnh	Công lập	Ban đầu	1.500	
331	54139	Trạm y tế Hoà Thành	Công lập	Ban đầu	1.500	
332	54140	Trạm y tế Hoà Hiệp Bắc	Công lập	Ban đầu	1.500	
333	54141	Trạm y tế Hoà Vinh	Công lập	Ban đầu	1.500	
334	54143	Trạm y tế Hoà Tân Đông	Công lập	Ban đầu	1.500	
335	54144	Trạm y tế Hoà Xuân Tây	Công lập	Ban đầu	2.000	
336	54145	Trạm y tế Hoà Hiệp Nam	Công lập	Ban đầu	2.000	
337	54146	Trạm y tế Hoà Xuân Đông	Công lập	Ban đầu	3.500	
338	54147	Trạm y tế Hoà Tâm	Công lập	Ban đầu	1.000	
339	54148	Trạm y tế Hoà Xuân Nam	Công lập	Ban đầu	1.000	
340	54159	Trạm y tế An Nghiệp	Công lập	Ban đầu	1.000	
341	54162	Chi nhánh Công ty TNHH Dược phẩm Đức Tín-Phòng khám đa khoa Đức Tín	Ngoài công lập	Ban đầu	33.000	
342	54165	Bệnh viện Việt Mỹ Phú Yên	Ngoài công lập	Cơ bản	2.000	
343	54166	Phòng khám đa khoa khu vực thuộc Trung tâm Y tế Tuy Hòa	Công lập	Ban đầu	1.000	